

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;
Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;
Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy
định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng
Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật
Bảo vệ môi trường;
Căn cứ Quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 11/7/2022 của UBND tỉnh về
việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh
giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt
động khoáng sản và báo cáo đề nghị cấp giấy phép môi trường của các dự án đầu
tư trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;
Xét Văn bản số 02/CVMT/2023 đề ngày 21/4/2023 của Công ty TNHH May
mặc Able Joy Đắk Lắk về việc chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp
Giấy phép môi trường cho “Nhà máy sản xuất dệt, may trang phục” tại Khu Công
nghiệp Hòa Phú, thành phố Buôn Ma Thuột và hồ sơ báo cáo đề xuất cấp giấy
phép môi trường nộp bổ sung về Sở Tài nguyên và Môi trường ngày 09/5/2023;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình
số 113/TTr-STNMT ngày 10 /5/2023.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH May mặc Able Joy Đắk Lắk, địa chỉ tại Lô C08, Khu Công nghiệp Hòa Phú, xã Hòa Phú, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của “Nhà máy sản xuất dệt, may trang phục” tại Khu Công nghiệp Hòa Phú, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung

- 1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất dệt, may trang phục.
- 1.2. Địa điểm hoạt động: Lô C08, Khu Công nghiệp Hòa Phú, xã Hòa Phú, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Công ty TNHH Một thành viên, mã số doanh nghiệp 6001748705, đăng ký lần đầu ngày 14/12/2022 do Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp.

1.4. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 7673312438, chứng nhận lần đầu ngày 09/12/2022, chứng nhận điều chỉnh lần thứ 1 ngày 08/03/2023 do Ban quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh Đắk Lắk cấp.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Dệt, may trang phục.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Dự án có tiêu chí về môi trường như Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Tổng diện tích đất khoảng 11.000 m². Gồm: đất công trình xây dựng (6.036,9 m²), đất giao thông nội bộ, sân bãi (2.660,0 m²), đất cây xanh (2.244,4 m²).

- Quy mô sản xuất: Sản xuất dệt, may trang phục với quy mô 6.000.000 cái/năm (*không có công đoạn nhuộm, giặt mài, nấu sợi trong quy trình sản xuất*).

- Quy trình công nghệ sản xuất:

+ Công đoạn 1: Nguyên liệu → Nhận sợi → Kiểm tra sợi → Dệt → Kiểm tra mảnh vải → Nối lại → Kiểm tra thành phẩm.

+ Công đoạn 2: Khâu → Kiểm tra đường khâu → Kiểm tra độ sáng lần 1 → Sửa chữa, vá lại.

+ Công đoạn 3: Kiểm tra đường may → Loại bỏ vết ố → Chà xát → Kiểm tra độ sáng lần 2 → Sửa chữa.

+ Công đoạn 4: Phân loại kích cỡ → Đơm nút/chỉnh sửa khuy nút → Ủi → Kiểm tra các chỉ số đo.

+ Công đoạn 5: Đính nhãn hiệu → Kiểm tra sơ cấp lần 1 → Kiểm tra lần 2 → Kiểm tra lần cuối cùng → Thành phẩm.

- Các hạng mục công trình chính:

+ Nhà xưởng số 01: số lượng 01 nhà, diện tích 2.734,9 m², móng bê tông cốt thép, khung dàn kết cấu thép, mái tôn.

+ Nhà xưởng số 02: số lượng 01 nhà, diện tích 2.568,5 m², móng bê tông cốt thép, khung dàn kết cấu thép, mái tôn.

+ Nhà nghỉ chuyên gia: số lượng 01 nhà, diện tích 225,5 m², móng bê tông cốt thép, khung dàn kết cấu thép, mái tôn.

+ Nhà làm việc: số lượng 01 nhà, diện tích 132,0 m², móng bê tông cốt thép, khung dàn kết cấu thép, mái tôn.

+ Nhà bảo vệ: số lượng 01 nhà, diện tích 14,0 m², móng bê tông cốt thép, khung dàn kết cấu thép, mái tôn.

+ Nhà để xe: số lượng 01 nhà, diện tích 168 m², móng bê tông cốt thép, khung dàn kết cấu thép, mái tôn.

+ Nhà vệ sinh công nhân: số lượng 01 nhà, diện tích 88,0 m², móng bê tông cốt thép, khung dàn kết cấu thép, mái tôn.

+ Bể nước ngầm PCCC: số lượng 01 nhà, diện tích 100,0 m², móng bê tông cốt thép, tường gạch. Đài nước, giếng khoan: số lượng 01 cái, diện tích 6,0m².

- Các hạng mục công trình phụ: Sân đường nội bộ (diện tích 2.660,0 m²), diện tích cây xanh (2.244,4 m²).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải, bụi ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải sinh hoạt, chất thải sản xuất, chất thải nguy hại, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH May mặc Able Joy Đắk Lắk

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH May mặc Able Joy Đắk Lắk có trách nhiệm:

- Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

- Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

- Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày cấp Giấy phép.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh, UBND thành phố Buôn Ma Thuột tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để báo cáo);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Công ty Phát triển Hạ tầng KCN Hòa Phú;
- UBND thành phố Buôn Ma Thuột;
- Công ty TNHH May mặc Able Joy
- Trung tâm Phục vụ HCC của tỉnh;
- TTCN và Cổng TTĐT tỉnh (để đăng tải);
- Lưu: VT, NNMT (H. 15B)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Văn Cảnh

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 6 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Phát sinh từ hoạt động của công nhân viên tại nhà xưởng, lưu lượng khoảng 120 m³/ngày;
- Nguồn số 02: Phát sinh từ hoạt động nấu ăn của nhà xưởng, lưu lượng khoảng 37,5 m³/ngày.
- Nguồn số 03: Phát sinh từ quá trình làm mát máy móc (tuần hoàn tái sử dụng liên tục, không xả thải ra ngoài)
- Nguồn số 04: Phát sinh từ hoạt động vệ sinh nhà xưởng, lưu lượng khoảng 02 m³/ngày.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Dòng nước thải: 01 dòng sau xử lý sơ bộ tại nhà máy, theo đường ống chảy về điểm đầu nối nước thải của Khu Công nghiệp Hòa Phú.

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung công suất 2.900m³/ngày đêm của Khu công nghiệp Hòa Phú.

2.3. Vị trí xả nước thải:

- Tại hố thu ký hiệu GP9-7 trên trục đường CN9, Khu Công nghiệp Hòa Phú, xã Hòa Phú, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Tọa độ (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 108⁰30', múi chiếu 3⁰): X = 1392792; Y = 439012.

2.4. Lưu lượng nước thải lớn nhất xả thải: Khoảng 160 m³/ngày đêm.

2.5. Phương thức xả nước thải:

- Phương thức xả nước thải ra môi trường: Tự chảy.
- Nước thải sau xử lý sơ bộ tại nhà máy tự chảy vào đường ống có chiều dài khoảng 72 m được đặt ngầm dưới lòng đất chạy dọc theo đường CN9 và đầu nối vào hố thu thuộc hệ thống thu gom nước thải tập trung của Khu công nghiệp Hòa Phú.

- Chế độ xả nước thải: Liên tục, 24 giờ/ngày đêm.

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT (cột B), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5,5 - 9	Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 3 Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP	Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 4 Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP
2	BOD ₅	mg/l	50		
3	TSS	mg/l	100		
4	TDS	mg/l	1.000		
5	Sunfua	mg/l	4		
6	Amoni	mg/l	10		
7	Nitrat	mg/l	50		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10		
10	Phosphat	mg/l	10		
11	Tổng <i>Coliforms</i>	MPN/100ml	5.000		

Ghi chú: Khuyến khích thực hiện quan trắc nước thải định kỳ đối với các chất ô nhiễm nêu tại Bảng trên để tự theo dõi, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tại Dự án.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải:

- Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý sơ bộ nước thải hoàn toàn riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Nước thải sinh hoạt:

+ *Nước thải từ các khu vệ sinh:* Nước thải từ hoạt động rửa tay, vệ sinh của chuyên gia được thu gom bằng đường ống PVC Ø114, dày 3,8mm, chiều dài 52,6m, sau đó nước thải được xử lý sơ bộ bằng 01 bể tự hoại 3 ngăn, sau đó về cụm bể lắng 3 ngăn trước khi theo đường ống dẫn về điểm đầu nối của Khu công nghiệp. Nước thải từ hoạt động rửa tay, vệ sinh của công nhân viên được thu gom bằng đường ống PVC Ø140 dày 4,1 mm, chiều dài 146m và được xử lý sơ bộ bằng 02 bể tự hoại 3 ngăn, sau đó chảy về cụm bể lắng 3 ngăn trước khi theo đường ống dẫn về điểm đầu nối của Khu công nghiệp Hòa Phú.

+ *Nước thải từ bếp, nhà ăn (01 nhà ăn):* Được thu gom bằng đường ống PVC Ø114 dày 3,8mm chiều dài 50,6m về bể tách mỡ 3 ngăn để tách lượng dầu mỡ có trong nước, sau đó nước thải sẽ chảy về cụm bể lắng 3 ngăn để lắng cặn trước khi theo đường ống dẫn về điểm đầu nối của Khu công nghiệp Hòa Phú.

- *Nước thải từ vệ sinh nhà xưởng:* Được thu gom theo hệ thống đường ống dẫn PVC Ø90, dày 3,8mm, sau đó theo đường ống dẫn về điểm đầu nối của Khu công nghiệp Hòa Phú.

- *Nước phát sinh từ quá trình làm mát máy móc:* Được tuần hoàn tái sử dụng liên tục, không xả thải ra ngoài.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Nước thải sinh hoạt:

a) Bể tự hoại 3 ngăn

- Dung tích thiết kế: 16,8m³/bể. Số lượng: 03 bể.

- Thông số kỹ thuật: Mỗi bể tự hoại có kích thước: 3m x 2,8m x 2m, xây bằng vữa xi măng 75 dày 20, đáy bể bằng bê tông cốt thép mác 200 dày 150, vữa lót móng đá 4x6 mác 100 dày 100, chống thấm hai lớp bên trong.

- Quy trình xử lý: Nước thải từ nhà vệ sinh → Ngăn chứa → Ngăn lắng → Ngăn lọc → Thu gom về bể lắng 3 ngăn tập trung, sau đó đầu nối vào Hệ thống thu gom nước thải tập trung của Khu công nghiệp Hòa Phú để tiếp tục xử lý.

- Thể tích phần bùn trong bể tự hoại khoảng 75,6 m³/năm, định kỳ thuê đơn vị có chức năng đến bơm hút (01 năm/lần) và vận chuyển xử lý đúng quy định.

b) Bể tách dầu mỡ

- Dung tích thiết kế 1,2 m³/bể. Số lượng 03 bể được xây dựng chung với nhau.

- Thông số kỹ thuật: Kích thước: 1,2m x 1,0m x 1,0m, chất liệu inox 210, inox 304, nhựa composite chống thấm hai lớp bên trong, máng thu dầu bằng inox.

- Quy trình xử lý: Nước thải từ nhà ăn → Ngăn lọc rác → tách dầu mỡ → Thu gom về bể lắng 3 ngăn tập trung, sau đó đầu nối vào Hệ thống thu gom nước thải tập trung của Khu công nghiệp Hòa Phú để tiếp tục xử lý.

- Lượng dầu mỡ từ máng thu dầu sẽ được định kỳ thu gom và thuê đơn vị xử lý theo đúng quy định.

c) Cụm bể lắng 3 ngăn

- Dung tích thiết kế: 160m³/cụm. Gồm 01 cụm bể lắng có 03 ngăn.

- Thông số kỹ thuật: Vữa xi măng 75 dày 20, đáy bể bê tông cốt thép mác 200 dày 150, vữa lót móng đá 4x6 mác 100 dày 100, chống thấm hai lớp bên trong.

- Quy trình xử lý: Nước thải từ bể tự hoại, bể tách dầu mỡ → Ngăn chứa → Ngăn lắng → Ngăn lọc → Về hồ thu của hệ thống thu gom nước thải tập trung của Khu công nghiệp Hòa Phú để tiếp tục xử lý.

1.2.2. Nước thải từ vệ sinh nhà xưởng:

Lượng nước thải này, được thu gom theo hệ thống đường ống dẫn PVC Ø90 về hồ thu và đầu nối vào Hệ thống thu gom nước thải tập trung của Khu công nghiệp Hòa Phú để tiếp tục xử lý.

1.2.3. Nước phát sinh từ quá trình làm mát máy móc:

Được tuần hoàn tái sử dụng liên tục, không xả thải ra ngoài.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt quy định tại khoản 4 Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Vận hành các công trình xử lý nước thải sinh hoạt sơ bộ tại nhà máy theo đúng quy trình kỹ thuật, đảm bảo hiệu quả xử lý nước thải phát sinh từ nhà máy trước đạt QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B) trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp và phải tuân thủ quy định về đầu nối nước thải tại Khu công nghiệp Hòa Phú.

- Định kỳ kiểm tra, bảo trì bảo dưỡng các thiết bị, máy móc trong các công trình xử lý nước thải của nhà máy. Tiến hành nâng cấp, sửa chữa kịp thời khi hiệu suất xử lý có dấu hiệu giảm sút.

- Phân công cán bộ chịu trách nhiệm vận hành, kiểm tra xử lý sự cố của công trình. Định kỳ phối hợp với đơn vị chức năng tiến hành lấy mẫu nước thải trước và sau xử lý để đánh giá hiệu quả của công trình.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không thuộc đối tượng phải thực hiện vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.6 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải vào điểm tiếp nhận theo quy định.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom, xả nước thải sau xử lý sơ bộ theo đúng quy định về bảo vệ môi trường, đáp ứng yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án. Yêu cầu đầu nối nước mưa đúng vị trí đã được Công ty Phát triển Hạ tầng Khu Công nghiệp Hòa Phú chấp thuận tại Biên bản thỏa thuận đầu nối hạ tầng dự án: Nhà máy sản xuất dệt, may trang phục của Công ty TNHH may mặc Able Joy Đắc Lắc ngày 03/12/2022 (vị trí thoát nước mưa tại hố thu GP10 trên trục đường CN9, hố thu thứ 02 tính từ nút giao trục đường CN4 và CN9. Vị trí hố thu cách điểm C trong sơ đồ mặt bằng đầu nối hạ tầng khoảng 73m).

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý nước thải sơ bộ.

3.4. Công ty TNHH May mặc Able Joy Đắc Lắc chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu xả nước thải không đúng vị trí theo nội dung tại Phụ lục này.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI, BỤI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI, BỤI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 6 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI, BỤI

1. Nguồn phát sinh khí thải, bụi

Nguồn số 01: Khí thải, bụi phát sinh từ các máy may của công đoạn ráp mảnh vải len, gồm bụi sợi, bụi len nguyên liệu tại xưởng sản xuất.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải, bụi

2.1. Vị trí xả khí thải, bụi:

- Nguồn số 01: Bụi phát sinh tại xưởng sản xuất (gồm xưởng số 1, xưởng số 2).
- Tọa độ (Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}30'$, múi giờ 3°)
 - + Tại nhà xưởng sản xuất 1: Tọa độ X = 1392931; Y = 438961
 - + Tại nhà xưởng sản xuất 2: Tọa độ X = 1392899; Y = 438947

2.2. Lưu lượng xả lớn nhất:

Phát sinh khoảng 0,5 kg bụi/ngày đối với xưởng 1; khoảng 0,5 kg bụi/ngày đối với xưởng 2.

2.3. Phương thức xả bụi, khí thải:

Nguồn số 01: Các loại máy may được sử dụng tại Nhà máy là loại máy đồng bộ được phép thương mại, mỗi loại máy được trang bị một túi lọc bụi nhỏ phía dưới bàn để thu bụi, cuối ngày công nhân được bố trí làm việc tại máy sẽ thu gom và bỏ vào các thùng chứa rác được đặt tại khu vực nhà máy.

2.4. Chất lượng bụi, khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng bảo vệ môi trường; kiểm soát chất lượng bụi trong khu vực xưởng sản xuất theo QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi	mg/m ³	8,0	Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 5 Điều 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI, BỤI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải, bụi

1.1. Mạng lưới thu gom, biện pháp xử lý khí thải, bụi từ nguồn phát sinh:

- Xây dựng nhà xưởng thông thoáng. Lắp đặt quạt thông gió tại nhà xưởng nhằm làm thông thoát khu vực nhà xưởng sản xuất. Khí thải, bụi phát sinh từ quá trình sản xuất được thu gom cục bộ tại nhà xưởng không để ảnh hưởng ra ngoài.

- Tại mỗi máy may được trang bị một túi lọc bụi nhỏ phía dưới bàn để thu bụi, cuối ngày công nhân được bố trí làm việc tại máy sẽ thu gom và bỏ vào các thùng chứa rác được đặt tại khu vực nhà máy.

- Định kỳ quét dọn, vệ sinh nhà xưởng; thu gom bụi phát sinh từ hoạt động sản xuất và đem đi xử lý đảm bảo quy định.

1.2. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

1.3. Biện pháp, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì, bảo dưỡng định kỳ các thiết bị xử lý bụi, khí thải; dự phòng máy móc, thiết bị để thay thế khi các thiết bị thu hồi bụi hỏng hóc. Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình kỹ thuật đã được hướng dẫn.

- Trang bị khẩu trang, đồ bảo hộ lao động cho công nhân làm việc.

- Cây xanh, thảm cỏ được trồng xung quanh nhà máy (chiếm 20,51% diện tích đất), xây tường cao bao quanh nhà máy để giảm phát tán bụi, khí thải ra môi trường.

- Xây dựng các phương án phòng ngừa, khắc phục sự cố môi trường đảm bảo quy định và phù hợp với hoạt động sản xuất.

- Đào tạo đội ngũ công nhân có kỹ thuật tốt, nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Định kỳ hàng năm, tổ chức đo kiểm môi trường, khám bệnh nghề nghiệp cho công nhân.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không thuộc đối tượng phải thực hiện vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Các nguồn phát sinh bụi và khí thải khác (tại khu vực sản xuất, khu vực lưu chứa chất thải rắn, chất thải nguy hại; khu vực thu gom, xử lý nước thải,...) phải được kiểm soát, đảm bảo chất lượng môi trường không khí xung quanh đáp ứng QCVN 05:2013/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh, QCVN 06:2009/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về một số chất độc hại trong chất lượng không khí xung quanh và quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải của dự án đầu tư.

3.3. Công ty TNHH May mặc Able Joy chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 6 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ nhà xưởng sản xuất 1.
- Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ nhà xưởng sản xuất 2.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: (Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}30'$, múi chiếu 3°)

- Tại nhà xưởng sản xuất 1: Tọa độ X = 1392931; Y = 438961
- Tại nhà xưởng sản xuất 2: Tọa độ X = 1392899; Y = 438947

3. Tiếng ồn, độ rung: phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN tương ứng hiện hành, cụ thể như sau:

- Tiếng ồn theo QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn:

TT	QCVN 24:2016/BYT	QCVN 26:2010/BTNMT		
1	≤ 85 dBA	Từ 6 giờ - 21 giờ: 70 dBA	Từ 21 giờ - 6 giờ: 55 dBA	Khu vực thông thường

- Độ rung theo QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Ghi chú
	Từ 6 giờ - 21 giờ	Từ 21 giờ - 6 giờ	
1	70	60	Khu vực thông thường

C. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn. Các điểm tiếp xúc giữa máy móc thiết bị và sàn đặt máy được kê đệm cao su và lò xo chống rung để giảm tiếng ồn và giảm độ rung.

- Thực hiện công tác bảo trì thiết bị, máy móc định kỳ. Thường xuyên kiểm tra định kỳ, bôi trơn dầu mỡ máy móc, thiết bị sản xuất, các chân đế của thiết bị phải có bộ phận chống rung. Thay thế các máy móc cũ, lạc hậu bằng các thiết bị máy móc tiên tiến, hiện đại.

- Bố trí thiết bị, quy trình sản xuất hợp lý trong cùng một phân xưởng. Nhà xưởng được thiết kế và xây dựng với tường cách âm, đặc biệt cô lập các công đoạn có khả năng phát sinh ồn, độ rung cao.

- Trang bị thiết bị bảo vệ tai cho công nhân phải làm việc ở khu vực thường xuyên tiếp xúc với độ ồn cao. Hàng năm, thực hiện đo thính lực cho toàn bộ số công nhân đang làm trong xưởng.

- Cây xanh, thảm cỏ được trồng xung quanh nhà máy (chiếm 20,51% diện tích đất), xây tường cao bao quanh nhà máy để giảm tiếng ồn, độ rung phát tán ra môi trường.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Thực hiện các biện pháp quản lý trong quá trình hoạt động để giảm thiểu tiếng ồn và độ rung.

2.3. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	15	16 01 06
2	Pin, ắc quy thải	Rắn	15	16 01 12
3	Hộp mực máy in, mực máy photo thải	Rắn	20	08 02 04
4	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	Lỏng	20	17 02 04
5	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	20	18 02 01
6	Bao bì cứng thải bằng các vật liệu khác (composit...)	Rắn	60	18 01 04
7	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	30	18 01 01
8	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử	Rắn	15	16 01 13
Tổng số lượng			195	

1.2. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (tấn/năm)
1	Bao bì, thùng carton đựng nguyên vật liệu phục vụ cho quá trình sản xuất	10
2	Len vụn, len rỗi, sản phẩm hư hỏng,...	20
3	Lõi nhựa từ các cuộn sợi	0,3
4	Kim loại phế thải	9,0
Tổng cộng		39,3

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/ngày)
1	Chất thải không có khả năng tái chế (vỏ trái cây, thực phẩm thừa,...)	1.200
2	Chất thải vô cơ có khả năng tái chế (bìa carton, giấy, chai nhựa, lọ thủy tinh, kim loại,...)	15
Tổng cộng		1.215

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bố trí các thùng rác nhỏ được đặt tại xưởng sản xuất, phòng làm việc, khu vực hành lang chung (thùng rác có nắp đậy dung tích 60 lít), sau đó rác thải sẽ được vận chuyển về lưu chứa tạm tại kho lưu chứa chất thải nguy hại.

- Bố trí 02 công nhân có trách nhiệm thu gom mỗi ngày khối lượng chất thải phát sinh tại nhà máy về kho lưu chứa tạm chất thải nguy hại.

2.1.2. Kho lưu chứa tạm thời chất thải nguy hại:

- Xây dựng nhà kho lưu chứa tạm thời CTNH có diện tích 10m². Kho chứa có nền xi măng chống thấm, mái che, tường bao, có rãnh thoát nước và có dán nhãn cảnh báo chất thải nguy hại theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Khu vực kho chứa được phân lô rõ ràng, có gắn biển hiệu từng loại chất thải. Khu vực chứa chất thải đảm bảo lưu chứa toàn bộ lượng chất thải phát sinh của nhà xưởng.

2.1.3. Biện pháp xử lý:

Hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ đến thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định với tần suất 01 lần/năm.

2.2. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bố trí các thùng chứa chất thải được đặt tại xưởng sản xuất, khu vực hành lang chung (thùng rác có nắp đậy dung tích 60 lít), sau đó chất thải sẽ được vận chuyển về kho lưu chứa tạm chất thải rắn công nghiệp.

- Bố trí 02 công nhân có trách nhiệm thu gom mỗi ngày khối lượng chất thải rắn công nghiệp phát sinh tại nhà máy về kho lưu chứa tạm chất thải rắn công nghiệp thông thường.

2.2.2. Kho lưu chứa:

- Xây dựng nhà kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường với diện tích 20m² để lưu trữ toàn bộ lượng chất thải phát sinh.

- Nhà kho chứa chất thải công nghiệp thông thường của nhà máy được xây dựng có mái che, nền bê tông láng phẳng, tường bao quanh. Khu vực kho chứa có gắn biển hiệu của từng loại chất thải. Khu vực chứa chất thải đảm bảo lưu chứa toàn bộ lượng chất thải sản xuất phát sinh của nhà xưởng.

2.2.3. Biện pháp xử lý:

- Đối với các loại chất thải rắn công nghiệp có thể tái chế sẽ được bán cho các đơn vị thu phế liệu, đơn vị có chức năng tái chế.

- Đối với các loại chất thải rắn công nghiệp khác công ty sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển đi xử lý đảm bảo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại nhà xưởng sẽ được thu gom hàng ngày vào thùng chứa. Bố trí các thùng rác màu xanh có dung tích 10-12L có nắp đậy đặt tại khu vực văn phòng, khu vực nhà ăn, nhà vệ sinh,...; bố trí các thùng rác có dung tích 120L có nắp đậy đặt tại hành lang, khu vực sản xuất.

- Bố trí 02 công nhân có trách nhiệm thu gom mỗi ngày khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại nhà máy về kho lưu chứa tạm chất thải rắn sinh hoạt tập trung.

2.3.2. Kho lưu chứa:

Xây dựng nhà kho lưu chứa tạm thời chất thải rắn sinh hoạt có diện tích 10m². Thiết kế, cấu tạo của kho chứa tập trung chất thải rắn sinh hoạt được bố trí bên ngoài xưởng sản xuất, có mái che, nền xi măng, có vách ngăn và rãnh thoát nước, được bố trí gần kho chứa CTNH.

2.3.3. Biện pháp xử lý:

- Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng tại địa phương đến Khu Công nghiệp Hòa Phú thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định.

- Tần suất thu gom: 1 ngày/lần.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Thực hiện các quy định pháp luật về tài nguyên nước và các quy định khác có liên quan.

3. Công ty TNHH May mặc Able Joy Đắc Lắc có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này.

Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG)

Không có hạng mục, công trình sản xuất và công trình bảo vệ môi trường phải tiếp tục thực hiện sau khi được cấp Giấy phép môi trường này.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, công nghiệp thông thường phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải sinh hoạt, chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Nước thải phải được quản lý chặt chẽ để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

3. Trong quá trình thi công xây dựng dự án, chủ dự án phải thực hiện các biện pháp an toàn, che chắn, đảm bảo không phát tán ô nhiễm bụi, khí thải ra ngoài môi trường. Áp dụng các biện pháp đảm bảo không được để đất đá rơi vãi trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu ra vào khu vực thi công xây dựng. Tiếng ồn đảm bảo tuân thủ QCVN 26: 2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn; độ rung đảm bảo theo QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung.

4. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn giao thông trong và ngoài Khu công nghiệp và khu vực lân cận, an toàn an toàn thực phẩm, an toàn điện, an toàn và vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật./.